TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2022/DS-PT
Ngày: 30/9/2022
Về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hưng

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/2022/TLPT-DS ngày 16/8/2022 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án số 71/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐ-PT ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2022/QĐ-PT ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân M.

Địa chỉ trụ sở: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

* *Người đại diện theo pháp luật:* ông Nguyễn Hiền S - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hợp tác xã số 1600168616, đăng ký lần đầu ngày 19/9/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/4/2020, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

** Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1988, Trưởng Bộ phận tín dụng Quỹ tín dụng nhân dân M. Văn bản ủy quyền số: 97/2022/UQ-QTDMP ngày 13/9/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân M. Địa chỉ: khóm H, phường M1, thành phố L, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn*: Luật sư Lê Văn P-Văn phòng Luật sư Lê Văn P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

Địa chỉ: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1965. (vắng mặt)

2.2 Ông Lâm Thanh S, sinh năm 1952. (vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp K, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang.

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu T và ông Lâm Thanh S:* ông Võ Việt N1 , sinh năm 1955 (Văn bản ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng chứng thực ngày 28/3/2017); cư trú: phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lê Thị Thu T1, sinh năm 1962; cư trú: ấp Hòa Long 1, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu T1:* ông Võ Việt N1, sinh năm 1955; (Văn bản ủy quyền do Văn phòng Công chứng Châu Thành chứng nhận ngày 07/9/2016); cư trú: phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

3.2 Bà Lê Thị Thu B, sinh năm 1962; cư trú: phường M2, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu B:* ông Trần Minh Đ, sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng chứng thực ngày 30/8/2017); cư trú: ấp K, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.3 Bà Lê Thị Mỹ P1, sinh năm 1968; cư trú: ấp K, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Mỹ P1:* ông Trần Minh Đ, sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa Hưng chứng thực ngày 30/8/2017); cư trú: ấp K, xã H, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

3.4 Ông Nguyễn Văn Q (5 B), sinh năm 1944; cư trú: ấp T2, xã Đ1, huyện S, tỉnh An Giang. (có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: bà Lê Thị Thu T1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo Đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng nhân dân M:* ngày 17/5/2013 vợ chồng ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T có vay của Quỹ tín dụng nhân dân M (gọi tắt là Quỹ tín dụng) 450.000.000 đồng; lãi suất 1,60%/tháng; lãi quá hạn 2,40%/tháng. Thời hạn vay 08 tháng, kể từ ngày 17/5/2013 đến ngày 17/01/2014; Mục đích vay: trồng lúa, mướn đất, theo Hợp đồng tín dụng số 1891/05/13/HĐTD ngày 17/5/2013 được ký kết giữa Quỹ tín dụng với ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T.

Để đảm bảo khoản vay, ông S và bà T thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 14.764m^2, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 02326 QSDĐ/gH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp cho bà Lê Thị Thu T ngày 30/9/1993 cho bên nhận thế chấp là Quỹ tín dụng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1891/05/13 ngày 14/5/2013 do Văn phòng công chứng Hoàng Gia chứng nhận ngày 14/5/2013 và Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thoại Sơn chứng nhận ngày 15/5/2013.

Theo đó, Quỹ tín dụng đã giải ngân 450.000.000 đồng cho ông S và bà T theo giấy lĩnh tiền mặt do ông S và bà T ký nhận ngày 17/5/2013.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông S và bà T đã trả nợ lãi được 59.520.000 đồng thì ngưng. Mặc dù Quỹ Tín dụng nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi, nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 09/6/2022 ông S và bà T còn nợ Quỹ tín dụng tổng vốn và lãi là 1.552.920.000 đồng; trong đó, nợ gốc 450.000.000 đồng; nợ lãi 1.102.920.000 đồng.

Do ông S và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Quỹ tín dụng yêu cầu ông S và bà T liên đới chịu trách nhiệm trả vốn và lãi tính đến ngày xét xử (09/6/2022) là 1.552.920.000 đồng, yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 14/5/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng tín dụng số 1891/05/13/HĐTD ngày 17/5/2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1891/05/13 ngày 14/5/2013; Giấy đề nghị vay vốn, Giấy lĩnh tiền mặt và Giấy nhận nợ đều do ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T ký tên, ghi họ tên cùng ngày 17/5/2013; Bảng kê tính lãi ngày 06/6/2022.

** Quá trình tố tụng, ông Võ Việt N1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị Thu T và ông Lâm Thanh S* thống nhất việc ông S và bà T còn nợ Quỹ tín dụng vốn và lãi như nguyên đơn trình bày, đồng ý trả vốn vay 450.000.000 đồng nhưng yêu cầu miễn, giảm tiền lãi cho ông S và bà T, đồng thời đề nghị tạo điều kiện cho bị đơn trong việc thanh toán nợ, do bà T đang bị bệnh và hoàn cảnh gia đình khó khăn; thống nhất nội dung biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án thực hiện, đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp với Quỹ tín dụng để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

** Ông Võ Việt N1 đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu T1* yêu cầu được chia ½ diện tích đất do bà Lê Thị Thu T đứng tên quyền sử dụng đất, tài sản này hiện do ông S và bà T thế chấp cho Quỹ tín dụng, Quỹ tín dụng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thi hành án của ông S và bà T.

** Ông Trần Minh Đ đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu B và bà Lê Thị Mỹ P1* đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S, bà T ; đề nghị hủy hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp của ông S, bà T đã ký với Quỹ tín dụng; đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 04 chị em. Đối với phần nợ của ông S, bà T nếu phần đất ông S, bà T được cấp thì để thực hiện thi hành án theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q (5 B) trình bày:* ông thuê đất của ông S, bà T khoảng 7-8 năm nhưng hết mùa này ông không thuê nữa nên nếu nhà nước thu hồi, xử lý tài sản như thế nào thì ông không có ý kiến. Trong trường hợp ông S, bà T lấy lại đất trước khi hết hạn thuê thì trả lại ông phần tiền đã trả thuê.

Vì lý do sức khỏe nên ông yêu cầu được vắng mặt trong các phiên làm việc hòa giải, đối chất, xét xử và không khiếu nại.

Tại Bản án số 71/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân M đối với ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T.

Buộc ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T liên đới chịu trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân M 1.552.920.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 450.000.000 đồng, nợ lãi 1.102.920.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải trả cho

bên được thi hành án tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước qui định, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Quỹ tín dụng nhân dân M có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1891/05/13 ngày 14/5/2013 giữa Quỹ tín dụng nhân dân M với ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T do Văn phòng công chứng Hoàng Gia chứng nhận ngày 14/5/2013, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thoại Sơn chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 15/5/2013 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Quỹ tín dụng nhân dân M thu hồi nợ thì ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T vẫn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/6/2022, bà Lê Thị Thu T1 có đơn kháng cáo ghi ngày 22/6/2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Thu T1 xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự xác nhận không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng phát biểu: trên cơ sở hợp đồng tín dụng được ký kết, Quỹ tín dụng đã phát vay cho bà Lê Thị Thu T và ông Lâm Thanh S, để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, hai bên đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký theo quy định nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã quyết định như bản án sơ thẩm là có cơ sở. Bà Lê Thị Thu T1 kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng xác nhận Quỹ tín dụng đồng ý với bản án sơ thẩm, không kháng cáo và thống nhất với ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Quỹ tín dụng, không có ý kiến bổ sung.

Đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Thu T1 cho rằng đây là tài sản do cha mẹ của chị em bà T1 tạo lập và chưa chia, là tài sản chung của các chị em nên khi phát mãi tài sản thế chấp cho Quỹ tín dụng để thu hồi nợ, yêu cầu chia cho bà T1 ½ giá trị tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về vụ án: từ khi thụ lý phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ, xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ và quyết định như bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thu T1, yêu cầu chia ½ giá trị tài sản do bà Lê Thị Thu Tu thế chấp cho Quỹ tín dụng nhưng theo Bản án số 48/2018/HC-ST ngày 26/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Bản án số 471/2019/HC-PT ngày 18/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thuy T1 đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02326.QSDĐ/gH do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 30/9/1993 cho bà Lê Thị Thu T. Như vậy, quyền sử dụng đất mà bà T1 yêu cầu chia ½ giá trị đã được xác định thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị Thu T. Bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản tranh chấp có phần của bà T1 nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

Về nghĩa vụ án phí: ông Lâm Thanh S sinh năm 1952, là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí nhưng án sơ thẩm buộc ông S, bà T liên đới chịu 58.588.000 đồng án phí sơ thẩm là chưa phù hợp pháp luật người cao tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định miễn phần án phí dân sự sơ thẩm 29.294.000 đồng cho ông S.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự phúc xử: không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thu T1, sửa một phần về miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho ông S, giữ nguyên các phần còn lại của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa đã cho thấy:

[1] Về thủ tục: bà Lê Thị Thu T1 làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, bà là người thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí nên kháng cáo của bà là hợp lệ và được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ngoài sự có mặt của Đại diện hợp pháp của bà Lê Thị Thu T1, của bà Lê Thị Thu T và ông Lâm Thanh S, của Quỹ tín dụng, các đương sự khác trong vụ án đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự ấy là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Thu T1, trình bày của Đại diện hợp pháp của bà T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà T1 yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản là quyền sử dụng dất hiện do bà Lê Thị Thu T đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02326QSDĐ/gh do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 30/9/1993, tài sản hiện do bà T thế chấp cho Quỹ tín dụng vì cho rằng đây là tài sản chung. Tuy nhiên, trình bày và yêu cầu của bà T1 là không có cơ sở vì như theo xác nhận của đại diện hợp pháp của bà T1 cũng như chứng cứ thu thập được đã thể hiện: trước đây bà T1 khởi kiện vụ án hành chính với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02326QSDĐ/gh do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 30/9/1993 do bà Lê Thị Thu T đứng tên; yêu cầu này đã được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử tại Bản án sơ thẩm số 48/2018/HC-ST ngày 26/10/2018 và Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tại Bản án số 471/2019/HC-PT ngày 18/7/2019 có nội dung bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu T1 đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02326QSDĐ/gh do Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn cấp ngày 30/9/1993 cho bà Lê Thị Thu T.

Như vậy, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đều xác định phần đất bà T1 yêu cầu chia ½ giá trị thuộc quyền sử dụng của bà Lê Thị Thu T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thu T1.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa về việc miễn phần tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lâm Thanh S với số tiền 29.294.000 đồng do ông S là người cao tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy: vụ án được thụ lý sơ thẩm trước ngày 01/01/2017 cần áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để quyết định về án phí và theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì người cao tuổi không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí; nhưng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người cao tuổi thuộc đối tượng được xem xét miễn giảm án phí và để được miễn, giảm án phí, người thuộc đối tượng miễn, giảm phải có đơn đề nghị gửi cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm.

Đối chiếu quy định trên với trường hợp cụ thể trong vụ án thì thấy: ông Lâm Thanh S tuy là người cao tuổi nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông S không có đơn đề nghị miễn, giảm án phí nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án để quyết định về nghĩa vụ chịu tiền án phí

là đúng quy định và Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để xem xét miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho ông S theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét đến và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: do bà Lê Thị Thu T1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn, giảm án phí nên Hội đồng xét xử quyết định miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà T1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 342, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Thu T1.

Giữa nguyên Bản án số 71/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân M đối với ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T.

Buộc ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T liên đới chịu trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân M 1.552.920.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 450.000.000 đồng, nợ lãi 1.102.920.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Quỹ tín dụng nhân dân M có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1891/05/13 ngày 14/5/2013 giữa Quỹ tín dụng nhân dân M với ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T do Văn phòng công chứng Hoàng Gia chứng nhận ngày 14/5/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thoại Sơn chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 15/5/2013 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Quỹ tín dụng nhân dân M thu hồi nợ thì ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T vẫn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Công nhận sự tự nguyện của Quỹ tín dụng nhân dân M tự nguyện chịu 1.600.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá. (đã nộp xong)

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Thanh S và bà Lê Thị Thu T liên đới chịu 58.588.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân M được nhận lại 12.430.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002834 ngày 12/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị Thu T1.

Các phần khác của Bản án số 71/2022/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân Tp.Long Xuyên;
- Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hưng